TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/DS-ST
Ngày 06 - 06 - 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Tuấn

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* 1/ Ông Lâm Hoàng Q, sinh năm 1958; Có mặt.

2/ Bà Nguyễn Kim K, sinh năm 1960; Có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

- *Bị đơn:* 1/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1978; Xin vắng mặt.

2/ Bà Lâm Cẩm T1, sinh năm 1978; Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ông Q, *bà* K *là nguyên đơn trình bày*: Vào năm 2018, vợ chồng ông T, bà T1 có đến nhà hỏi vay tiền để làm ăn, vì xóm giềng và thông gia gần nhau nên ông, bà đồng ý và đã cho vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 215.000.000đ không có lập biên nhận hay hợp đồng vay, thỏa thuận lãi suất 20%/năm. Thời gian đến nay vợ chồng ông T, bà T1 không thanh toán. Ông, bà có trực tiếp đến gặp nhiều lần yêu cầu nhưng vẫn không thanh toán.

Đến năm 2023, đôi bên gặp nhau chốt nợ và thỏa thuận thanh toán. Ông T có viết giấy nhận nợ ngày 17/8/2023 và giao kèo mỗi tháng trả 5.000.000đ. Nhưng vợ chồng ông T, bà T1 không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện ông Q, bà K yêu cầu ông T, bà T1 cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông, bà với số tiền 473.000.000đ. Trong đó: Vốn 215.000.000đ và lãi 258.000.000đ (kể từ ngày vay năm 2018 đến năm 2024 là 06 năm x 215.000.000đ x 20%/năm = 258.000.000đ). Tại phiên tòa, ông Q bà K thay đổi yêu cầu, buộc ông T bà T1 thanh toán số tiền vốn vay là 215.000.000đ và lãi quá hạn tính từ ngày

viết biên nhận giao kèo là ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử ngày 06/6/2024 theo mức lãi vay quá hạn 1,66%/tháng.

Ông T *là bị đơn trình tại bản tự khai ngày 05/04/2024:* Ông T có gửi bản tự khai để ngày 05/4/2024 cho Tòa án, nội dung bản tự khai, ông T thừa nhận vợ chồng có vay tiền của ông Q, bà K số tiền gốc là 215.000.000đ. Từ thời điểm vay ông, bà có đóng lãi được 4 tháng, mỗi tháng 12.000.000đ thì ngưng cho đến nay. Khi đóng lãi cho ông Q không có biên nhận nên ông không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án.

Đối với bà Lâm Cẩm T1 *là đồng bị đơn*: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa. Mặc dù bà T1 nhận được văn bản tố tụng của Tòa án và biết được việc khởi kiện của ông Q, bà K, nhưng bà T1 vắng mặt không có lý do và không có gửi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông Q, bà K bằng văn bản cho Tòa án.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là ông Lâm Hoàng Q, bà Nguyễn Kim K và bị đơn là ông Trần Văn T, bà Lâm Cẩm T1 thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Ông T, bà T1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn là T có ý kiến xin vắng mặt, bà T1 vắng mặt đến lần thứ 2 không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Q, bà K với ông T, bà T1 được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Khi giao kết hợp đồng vay tài sản giữa ông Q, bà K và ông T, bà T1 không xác lập hợp đồng vay bằng văn bản, nhưng đôi bên đều thừa nhận số tiền vay là 215.000.000đ. Đến năm 2023, đôi bên mới gặp nhau chốt nợ và ông T mới viết biên nhận ngày 17/8/2023, đồng thời thỏa thuận và giao kèo các thức thanh toán nợ mỗi tháng 5.000.000đ. Nhưng ông T, bà T1 không thực hiện thanh toán nợ là vi phạm nghĩa vụ cam kết.

[3.1] Theo đơn khởi kiện ông Q, bà K trình bày: Vào năm 2018, vợ chồng ông T, bà T1 có đến nhà hỏi vay tiền để làm ăn, vì xóm làng gần nhau nên ông, bà đồng ý và đã cho vợ chồng ông T, bà T1 vay số tiền 215.000.000đ. Tại bản tự khai ngày 05/04/2024, ông T thừa nhận vợ chồng có vay tiền của ông Q, bà K số tiền gốc là 215.000.000đ. Mặc dù, không có ý kiến của bà T1 nhưng ông T đã thừa nhận và hiện nay ông T, bà T1 là vợ chồng, còn trong thời kỳ hôn nhân nên ông Q, bà K yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 cùng có trách nhiệm trả nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

[3.2] Xem xét yêu cầu số tiền của ông Q, bà K đối với ông T, bà T1: Căn cứ lời trình bày của ông Q, bà K và sự thừa nhận của ông T cùng với biên nhận ngày 17/8/2023 thể hiện giao dịch vay tiền bắt đầu từ năm 2018 với số tiền vốn vay là 215.000.000đ nên được ghi nhận khoảng nợ này.

[3.3] Xem xét về khoản lãi: Theo ông Q, bà K cho rằng kể từ khi ông T, bà T1 vay năm 2018 cho đến nay không có đóng lãi nên yêu cầu ông T, bà T1 trả lãi số tiền 258.000.000đ (kể từ ngày 01/01/2018 đến năm 2024 là 06 năm x 215.000.000đ x 20%/năm = 258.000.000đ). Tại phiên tòa, ông Q bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T bà T1 thanh toán số tiền vốn vay là 215.000.000đ và lãi quá hạn tính từ ngày viết biên nhận giao kèo là ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử ngày 06/6/2024 theo mức lãi vay quá hạn 1,66%/tháng.

Đối với ông T cho rằng đã trả lãi được 4 tháng mỗi tháng là 12.000.000đ (hơn 5,5%/tháng) bằng 48.000.000đ thì ngưng. Ông Q, bà K xác định không có nhận lãi. Nhưng tất cả đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên, giao dịch vay tiền đôi bên bắt đầu từ năm 2018 đến ngày 17/8/2023 đôi bên gặp nhau để chốt nợ và ghi biên nhận nợ đồng thời thỏa thuận cách trả nợ là thời gian là 05 năm, trường hợp tính lãi vay trong hạn theo quy định vẫn lớn hơn số tiền lãi mà ông T đã trả cho vợ chồng ông Q, bà K (04 tháng bằng 48.000.000đ). Hiện các đương sự cũng không yêu cầu điều chỉnh nên không đặt ra xem xét để điều chỉnh lãi theo quy định của pháp luật là có lợi cho vợ chồng ông T, bà T1.

[3.4] Đối với, yêu cầu tính lãi của ông Q, bà K tại phiên tòa: Ông Q, bà K thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T, bà T1 thanh toán số tiền vốn vay là 215.000.000đ và lãi quá hạn tính từ ngày viết biên nhận giao kèo là ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử ngày 06/6/2024 theo mức lãi vay quá hạn 1,66%/tháng. Đối với việc thay đổi yêu cầu tính lãi của ông Q, bà K tính từ ngày viết biên nhận giao kèo là ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử là tự nguyện nên được ghi nhận để xem xét.

Xét thấy, theo biên nhận chốt nợ và giao kèo phương thức trả nợ của ông T ghi vào ngày 17/8/2023 mỗi tháng là 5.000.000đ, nhưng ông thiệt không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ. Do đó, vợ chồng ông T, bà T1 phải có trách nhiệm trả nợ vốn vay cho ông Q, bà K là 215.000.000đ và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử 06/6/2024 là 09 tháng 19 ngày x 215.000.000đ x 0,83%/tháng = 17.190.000đ. Tổng cộng số tiền vốn và lãi chậm trả của ông T, bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Q, bà K là 232.190.000đ.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu tính lãi của ông Q, bà K đối với ông T, bà T1 trả số tiền lãi 1,66%/tháng là lãi vay quá hạn theo quy định, đối chiếu với lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là 0,83%/tháng nên đã chênh lệch thừa số tiền 17.190.000đ (tính từ ngày 17/8/2023 đến ngày xét xử 06/6/2024 là 09 tháng 19 ngày) là không được chấp nhận.

[5] Do yêu cầu của ông Q, bà K không được chấp nhận một phần nên phải chịu án phí theo quy định, nhưng ông Q, bà K thuộc trường hợp được miễn nên không phải nộp. Yêu cầu của ông Q, bà K được chấp nhận một phần nên ông T, bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng Q, bà Nguyễn Kim K đối với ông Trần Văn T, bà Lâm Cẩm T1 số tiền lãi là 17.190.000đ.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng Q, bà Nguyễn Kim K đối với ông Trần Văn T, bà Lâm Cẩm T1. Buộc ông T, bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Q, bà K số tiền là 232.190.000đ *(Hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng)*. Trong đó: Vốn 215.000.000đ và lãi 17.190.000đ.

Kể từ ngày ông Q, bà K có đơn yêu cầu thi hành án, ông T, bà T1 có nghĩa vụ thi hành xong khoản tiền nêu trên. Trường hợp chậm thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông T, bà T1 phải nộp án phí số tiền 11.609.000đ (chưa nộp).

Ông Q, bà K không phải nộp án phí sơ thẩm. Ông Q, bà K thuộc trường hợp được miễn theo thông báo số 13/TB-TA ngày 28/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thới B

Ông Q, bà K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyện